

Số: 09 /KH-KCN

Bắc Giang, ngày 21 tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH
Phát triển nguồn nhân lực
trong các Khu công nghiệp giai đoạn 2016-2017

- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Ban Quản lý các KCN Ban hành kèm theo Quyết định số 131/2009/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong các KCN tỉnh giai đoạn 2016 - 2017 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trong các KCN và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực những năm tiếp theo giúp các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề và các cơ sở đào tạo nghề có sự điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu nhân lực thực tế.

- Nâng cao sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ sở đào tạo, các cơ quan có liên quan trong việc phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao kịp thời đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp KCN.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tình hình sử dụng lao động trong các khu công nghiệp.

Trong những năm gần đây số lao động làm việc trong các KCN đã tăng đáng kể, 6 tháng đầu năm 2016, các doanh nghiệp KCN sử dụng 53.536 lao động (tăng 14.485 lao động so với cùng kỳ 2015, tăng 6.318 lao động so với cuối năm 2015). Cụ thể tình hình sử dụng lao động qua các năm như sau:

Năm	Tổng số DN sản xuất	Tổng số lao động	LĐ người địa phương		Lao động nữ		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	
2009	48	8.544	6.985	81,8	5.978	70,0	
2010	62	16.375	14.379	88,0	12.024	73,4	
2011	68	25.309	20.646	87,57	18.391	72,66	
2012	88	35.229	27.627	78,42	26.889	76,32	
2013	109	37.710	29.888	79,26	29.002	76,91	
2014	136	45.782	-	-	34.604	75,58	
2015	156	47.218	-	-	34.054	72,12	
6 tháng đầu năm 2016	137	53.536	-	-	38.827	72,53	Không tính DN thuộc CCN Nội Hoàng

2. Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trong các khu công nghiệp

Hiện nay, trên địa bàn các KCN tỉnh Bắc Giang có 137 doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng 53.536 lao động, trong đó lao động nữ là 38.827 người (*chiếm 72,53%*). Phần lớn lao động tập trung làm việc trong các doanh nghiệp FDI (*50.464 lao động, chiếm 94,26%*). Lực lượng lao động trẻ có độ tuổi trung bình từ 18 - 27 tuổi. Lao động trong các KCN có 2 loại hình nhân lực đó là: nhân lực phổ thông và nhân lực chất lượng cao. Nhân lực phổ thông hiện tại vẫn chiếm số đông chủ yếu là lao động nữ chiếm tới 72% ; trong khi đó, tỷ lệ nhân lực chất lượng cao lại chiếm tỷ lệ rất thấp, chi tiết tổng hợp qua các năm như sau:

STT	Trình độ đào tạo	Lao động năm 2012	Lao động năm 2013	Lao động năm 2014	Lao động năm 2015	Lao động 6 tháng đầu năm 2016	Ghi chú
I	Lao động đã qua đào tạo	6.814	8.405	13.098	15.098	15.901	
1	Trên đại học	55	55	2.546	2.992	3.178	
2	Đại học	1.064	1.100				

3	Cao đẳng	661	1.800	2.467	2.969	2.982	
4	Cao đẳng nghề	556	700				
5	Trung cấp chuyên nghiệp	1.106	1.150	2.777	2.647	2.501	
6	Trung cấp nghề	533	600				
7	Sơ cấp nghề	2.839	3.000	5.308	6.490	7.240	
II	Chưa qua đào tạo	28.415	29.305	32.684	32.120	37.635	
Tổng (I +II)		35.229	37.710	45.782	47.218	53.536	

Như vậy, số lao động đã qua đào tạo ở các doanh nghiệp có chiều hướng tăng. Năm 2013, các doanh nghiệp khu công nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 8.405 lao động, chiếm 22,3% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2012 là 1.591 lao động. Năm 2014, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 13.098 lao động, chiếm 28,6% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2013 là 5.053 lao động. Năm 2015, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 15.098 lao động, chiếm 32% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2014 là 2.000 lao động. Tuy nhiên, đến 6 tháng đầu năm 2016, các doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo là 15.901 lao động, chiếm 29,7% tổng số lao động. Mặc dù tổng lao động có tăng thêm nhiều nhưng tỷ lệ tăng số lao động qua đào tạo đạt mức thấp (*tăng 803 lao động*) so với cuối năm 2015.

Nhìn chung lực lượng lao động trong các khu công nghiệp tăng cả về số lượng và chất lượng; Ý thức tác phong công nghiệp của người lao động đã dần được cải thiện. Doanh nghiệp đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của nguồn nhân lực có chất lượng, một số doanh nghiệp trong các KCN đã chủ động trong việc liên kết đào tạo như đào tạo tại chỗ, đào tạo nâng cao tay nghề, thi nâng bậc... để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo còn chưa cao, hầu hết các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp FDI không đánh giá cao chất lượng của các chương trình dạy nghề hiện nay. Họ thường đào tạo thêm cho những lao động sau khi tuyển dụng vì kỹ năng và kiến thức thấp hơn so với yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Số lao động được đào tạo có thể đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp về số lượng, nhưng đa số trình độ đào tạo và ngành nghề đào tạo của người lao động chưa đáp ứng hoặc chưa phù hợp với ngành nghề của các doanh nghiệp.

3. Tình hình đào tạo nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có khoảng hơn 85 cơ sở dạy nghề để cung cấp cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận, đã phần nào đã đáp ứng được số lượng cho các doanh nghiệp khu công nghiệp, tuy nhiên ngành nghề được đào tạo đôi khi chưa phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, doanh nghiệp sau khi tuyển dụng phải đào tạo thêm để đáp ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo kết quả tổng hợp của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang hết năm 2015 các trường dạy nghề trong tỉnh đã đào tạo lực lượng lao động có trình độ như sau: Cao đẳng nghề: 575 người, Trung cấp nghề: 3.000 người, Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng 26.360 người.

4. Dự báo nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong KCN giai đoạn 2016- 2017.

Theo số liệu đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp khu công nghiệp, 6 tháng cuối năm 2016 các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển thêm 24.695 lao động trong đó lao động nữ là 19.141 (*chiếm 77,5%*), lao động chưa qua đào tạo là 14.510 lao động chiếm 58,8%; Các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển nhiều lao động tập trung nhiều vào các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực điện tử, may mặc, khi ấy tổng số lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp do Ban Quản lý đến hết năm 2016 dự kiến lên khoảng 78.000 lao động, cụ thể nhu cầu tuyển mới lao động phân theo từng khu, cụm công nghiệp như sau:

STT	Tên KCN	Nhu cầu tuyển mới LĐ 6 tháng cuối năm 2016							LĐ chưa qua đào tạo
		Tổng số	Trong đó nữ	LĐ đã qua đào tạo					
				Từ Đại học trở lên	Cao đẳng, Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp	Sơ cấp nghề	Dạy nghề thường xuyên	
1	Đình Trám	5.482	4.395	183	312	425	483	1.035	3.044
2	Quang Châu	6.729	5.494	301	220	77	4.755	4	1.372
3	Vân Trung	10.616	8.462	1.045	547	516		0	8.508
4	Song Khê- Nội Hoàng	1.868	790	133	75	74	0	0	1.586
Tổng		24.695	19.141	1.662	1.154	1.092	5.238	1.039	14.510

(Cụ thể nhu cầu các các doanh nghiệp theo phụ lục đính kèm)

Trên cơ sở tình hình thu hút đầu tư và việc triển khai của các dự án, năm 2017 dự báo các doanh nghiệp sẽ sử dụng khoảng 80.000 lao động, cụ thể:

STT	Tên KCN	Dự báo nhu cầu sử dụng lao động đến hết năm 2017 (người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	KCN Đình Trám	32.000	40,0	
2	KCN Quang Châu	18.000	22,5	
3	KCN Vân Trung	21.000	26,3	
4	KCN Song Khê- Nội Hoàng	9.000	11,2	
	Tổng	80.000	100,0	

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Từ thực trạng về tình hình sử dụng lao động trong KCN và khả năng cung ứng nhân lực của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Để nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các khu công nghiệp, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang đề nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp như sau:

1. Đối với các Sở, Ngành và UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghề đào tạo nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật lao động, BHXH hàng năm của các doanh nghiệp trong KCN.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục, đào tạo và pháp luật về phát triển nhân lực, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp về công tác giáo dục- đào tạo nghề. Phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ sở dạy nghề tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực giáo dục và dạy nghề;

- Thực hiện tốt công tác tư vấn pháp luật miễn phí cho người lao động, thông qua các kênh: Trung tâm giới thiệu việc làm, Trung tâm trợ giúp pháp lý.

2. Đối với các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo nghề trên địa bàn:

- Phối hợp với Ban Quản lý các KCN tỉnh và UBND các huyện, thành phố, trên cơ sở nhu cầu sử dụng nhân lực của các KCN có kế hoạch điều chỉnh cơ cấu

đào tạo hợp lý và có kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo và đầu tư nâng cấp trang thiết bị.

- Tăng cường công tác phân tích, dự báo nhu cầu, thông tin thị trường lao động của tỉnh và các vùng lân cận để tổ chức thu tập thông tin chi tiết nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp về từng nhóm nghề, trình độ làm cơ sở để xác định kế hoạch tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

3. Đối với doanh nghiệp đầu tư trong các khu công nghiệp:

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước: Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh, hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng của năm và 5 năm theo ngành nghề, giới tính, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong các KCN giai đoạn 2016- 2017 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, LĐ

Bản điện tử:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái (báo cáo);
- Sở Lao động TB&XH;
- UBND các Huyện, TP; | Để phối hợp
- Công đoàn các KCN tỉnh
- Lãnh đạo ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Xuân Ngọc

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
71	Nhà máy ðTô Ðồng Vàng I	141	16	7		2	1	4			
72	Công ty cổ phần DV Motor (25-8)	45	6	15		2		7	6		
73	Công ty TNHH sản xuất Sanwa Việt Nam	298	86	50	10	5	25	10			10
74	Công ty TNHH SME Việt Nam	110	65	10	5	1	1				8
75	Công ty TNHH Hyun-Bo Vina	188	84	5	3	2	2	1			0
76	Công ty CP Sunpla	67	55	7	7						7
77	Công ty TNHH MTV TM Việt Hàn Bắc Giang	110	60	30		5		25			
78	Công ty TNHH DV VÀ TM Ngự Thiện	40	15								
79	Công ty TNHH Gu Vina	275	176	150	150						150
80	Công ty TNHH Yushin Tech Vina	35	17	30	30						30
81	Công ty TNHH Seo Chang Vina	2	1	15	10	1					14
82	Công ty TNHH Mooroc Printec Vina	65	26								
83	Công ty TNHH Y.S.T Vina	6	2	1		1					
84	Công ty TNHH Fine Eleccom Vina	85	92	0							
85	Công ty TNHH Ertechnology Vina	37	24	15	0	1	0	0	0	14	0
86	Công ty TNHH Hong Jun Vina	7	2	2						2	
	Tổng	29054	22563	5482	4395	183	312	425	483	1035	3044
II	KCN Quang Châu										
87	Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang	73	19	7	0	1	2	4		0	
88	Công ty TNHH NICHIRIN Việt Nam	333	221	8	4	0	0	4		4	0
89	Công ty TNHH Hosiden VN (BG)	1616	1510	250	250	5	5	5			235
90	Công ty TNHH Umecc Việt Nam	907	793	1000	820	20	15		865		100
91	Công ty TNHH Crystal Martin VN	3823	2622	4200	3444	180	120	0	3890		10
92	Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi đặc khu hope Việt Nam	170	26	0							
93	Công ty TNHH WINTEK VIỆT NAM	166	96	35	30		5	10			20
94	Công ty CP cà phê hòa tan Trung Nguyên	376	224								
95	Công ty TNHH INOUE VIỆT NAM	50	38	25	2	15	5				5
96	Công ty TNHH NEWHOPE Hà Nội- Chi nhánh Bắc Giang	150	26	84	9	17	15	28			24
97	Công ty TNHH L&C TECH Việt Nam	50	3								
98	Công ty TNHH vản dán oji-vinafor Bắc Giang	147	46	100	30	0	0	0			100
99	Công ty TNHH SI FLEX VIỆT NAM	3555	3219	1000	900	59	50	24			867
100	Công ty TNHH FINAL TECH VINA	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0
101	Công ty TNHH Việt Nam Sunergy	143	43	20	5	4	3	2			11
	Tổng	11562	8888	6729	5494	301	220	77	4755	4	1372
III	KCN Song Khê-Nội Hoàng										
102	Nhà máy Giấy Xương Giang	410	61								
103	Công ty TNHH lưới thép hàn Hợp Lực	20	4	10			2				8
104	Công ty cổ phần cáp và thiết bị viễn thông	5	0	300	75	5	5	15			275
105	Công ty TNHH ITALISA Việt Nam	823	276	300	20	15	10				275

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
106	Công ty cổ phần thép Phương Bắc	25	6								
107	Công ty CP thép số 10	32	6	5	0	2					3
108	Công ty TNHH ABRASIVES VIỆT NAM	41	11	30	25	3	1	1			25
109	Công ty TNHH MYUNGBO VINA	261	209	10	10	1	1				8
110	Công ty TNHH KIM TƯỜNG	36	7								
111	Công ty TNHH ASIA BOLT VINA.	135	59	55	50	1	1	1			52
112	Công ty TNHH HAEM VINA	910	779	8			3	5			
113	Công ty TNHH DAE GWANG VINA	90	18	50	15	5					45
114	Công ty TNHH Shinsung vina	491	278								
115	Công ty TNHH KHKT NL mặt trời Boviet	1445	796	1000	500	100	50	50			800
116	Công ty TNHH điện tử NCC Vina	616	573	100	95	1	2	2	0	0	95
	Tổng	5340	3083	1868	790	133	75	74	0	0	1586
IV	KCN Văn Trung										
117	Công ty TNHH Fugiang	35	19	9	5	5	2	2	0		
118	Công ty TNHH điện tử Rongxin (Việt Nam)	59	32	100	90	2	5	5			88
119	Công ty TNHH Smart Shirt Garments Manufacturing Bắc Giang	934	801								
120	Công ty TNHH Woosung Precision Việt Nam	37	19	10	5	1	1	1			7
121	Công ty TNHH VINA SOLAR TECHNOLOGY	3796	1433	100	100	5	2				93
122	Công ty TNHH EMW VIỆT NAM	164	117	50	40	8	5	3	0		34
123	Công ty TNHH DYT VIỆT NAM	72	21								
124	Công ty TNHH kim loại chính xác Jintu Việt Nam	13	7	15	0	0	8				7
125	Công ty TNHH Kanegabo	119	73	10	10						10
126	Công ty TNHH Dongsan Precision Vina	56	32	30	30						30
127	Công ty TNHH Risun Việt Nam	844	804								
128	Công ty TNHH điện tử Broad Việt Nam	484	471	150	140	5	5	5			135
129	Công ty TNHH túi giấy mỹ thuật Thái Dương	65	34								
130	Công ty TNHH MTV SJ Tech Việt Nam	287	202								
131	Công ty TNHH Haesung Watch Tech Vina	25	11	30	10	4	4				22
132	Công ty TNHH Wonjin Vina	380	125								
133	Công ty TNHH Changsung Hà Nội	5	2	0							
134	Công ty TNHH Jeil- Tech Vina	94	22	110	30	15	13				82
135	Công ty TNHH Texon Vina	37	13	2	2		2				
136	Công ty TNHH Kum Jang Vina	35	19								
137	Công ty TNHH Shin Young Việt Nam	39	36								
138	Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology (Bắc Giang)			10000	8000	1000	500	500			8000
	Tổng	7580	4293	10616	8462	1045	547	516	0	0	8508
	Tổng các Khu công nghiệp	53536	38827	24695	19141	1662	1154	1092	5238	1039	14510